

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CP VTĐK THÁI BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..189...../TBD-TCHC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2018

V/v: Công bố thông tin Công ty đại chúng

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam –
Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PVTrans Pacific)
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM.
 - Điện thoại: (84-8) 38228546; Fax: (84-8) 38228545.
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Mạnh Tuấn – Giám đốc Công ty.
Địa chỉ: Căn hộ 12.2 Cao ốc An Cư, Phường An Phú, Quận 2, TP. HCM.
Điện thoại: (84-8) 38228546 Fax: (84-8) 38228545.
- Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban Giám đốc (để biết);
- Lưu VT, TCHC-CT (02b).

Người thực hiện công bố thông tin

GIÁM ĐỐC



Lê Mạnh Tuấn

Đính kèm:

- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, kỳ họp 8 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương;

Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 số 01/BBH-TBD-ĐHĐCĐ ngày 11/5/2018 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua những nội dung sau:

1) Báo cáo năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Hội đồng Quản trị (Phụ lục 01).

2) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 (Phụ lục 02) với các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu: 1.007,02 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 88,54 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 72,01 tỷ đồng

3) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 với các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu như sau:

- Vốn điều lệ: 942,75 tỷ đồng
- Vốn chủ sở hữu: 1.164,47 tỷ đồng
- Tổng doanh thu: 1.180,00 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 100,00 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 80,00 tỷ đồng

Và ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

4) Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017 (Phụ lục 03).

5) Kế hoạch 05 năm giai đoạn 2016-2020 (Phụ lục 04).

6) Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát (Phụ lục 05).

7) Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn (Phụ lục 06).



8) Báo cáo thực hiện trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017 và kế hoạch thù lao năm 2018 (*Phụ lục 07*).

9) Phê chuẩn việc HĐQT bầu thay thế thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Xuân Trường thay thế bà Nguyễn Thị Thanh Hà từ ngày 31/7/2017.

10) Kết quả bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023:

1. Ông Đoàn Đình Hiếu
2. Ông Lê Mạnh Hùng
3. Ông Trương Minh Hùng
4. Ông Mai Thế Toàn
5. Ông Lê Mạnh Tuấn

11) Kết quả bầu Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018-2023:

1. Ông Hồ Văn Bá
2. Bà Vũ Thị Thu Hà
3. Ông Lê Trúc Lâm

12) Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty (*Phụ lục 08*).

13) Sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (*Phụ lục 09*).

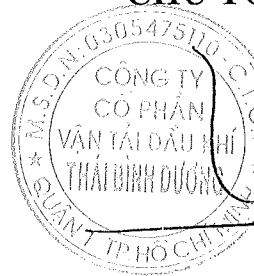
Điều 2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng Cổ đông quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật nhà nước và Điều lệ Công ty.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương năm 2018 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 11/5/2018.

Nơi nhận:

- Cổ đông PV Trans Pacific;
- Các TV HĐQT;
- BKS, BGĐ;
- Lưu: VT, HĐQT (MN, 05b).

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Mai Thế Toàn

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 01

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương số 01/NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 11/5/2018)

Báo cáo năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Hội đồng Quản trị



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2017

Trong năm 2017, tuy giá dầu thô đã tăng khoảng 23,8% so với năm 2016 nhưng thị trường vận tải dầu thô đối với tàu Aframax và VLCC trong năm 2017 tiếp tục giảm (sau 2 năm tăng mạnh: 2015 & 2016), đặc biệt là trong khoảng thời gian quý 3/2017 với TCE của đội tàu Aframax giảm ở mức thấp nhất. Nguyên nhân là do đội tàu mới đóng tham gia thị trường tiếp tục tăng khoảng 3.2% so với năm 2016 cùng với nhu cầu vận chuyển dầu thô ổn định và sự cắt giảm sản lượng của các nước xuất khẩu dầu (OPEC & non-OPEC).

Đối với thị trường vận tải dầu thô trong nước, việc Nhà máy Lọc dầu Dung quất đã dừng 52 ngày để bảo dưỡng (turn-around) cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc sắp xếp lịch khai thác của đội tàu.

Với điều kiện thị trường quốc tế và trong nước còn nhiều khó khăn, tập thể Lãnh đạo và Người lao động Công ty Pacific đã nỗ lực bám sát thị trường, phối hợp với khách hàng đưa ra phương án khai thác tàu linh hoạt, bố trí xen kẽ vừa khai thác quốc tế vừa tham gia vận chuyển các lô dầu spot trong nước cho BSR hoặc làm tàu chuyên tuyến nên đã giảm thiểu thời gian tàu không có hàng, hạn chế thấp nhất thiệt hại phát sinh góp phần hoàn thành chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 2017 của đơn vị, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

Hội đồng Quản trị đã xem xét và nhất trí thông qua “Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty”, Hội đồng quản trị đánh giá cao những nỗ lực không ngừng của Ban điều hành cùng toàn thể CBCNV đã đưa Công ty vượt qua các khó khăn, thách thức, hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó, kết quả đạt được như sau:

- Tổng doanh thu đạt 1.007,02 tỷ đồng, đạt 109% kế hoạch năm;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 88,54 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch năm;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 72,01 tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch năm.

Bên cạnh những kết quả tài chính như trên, trong năm 2017, Công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh doanh, duy trì đều đặn công tác kiểm tra giám sát, sửa đổi, ban hành và công tác nhân sự được tổ chức tốt, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và các chế độ chính sách cho người lao động.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị năm 2017 gồm 05 thành viên:

1. Ông Mai Thế Toàn – Chủ tịch HĐQT không chuyên trách - Đại diện phần vốn góp của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans);

2. Ông Lê Mạnh Tuấn – Ủy viên HĐQT/Giám đốc - Đại diện phần vốn góp của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans);

3. Ông Đoàn Đình Hiếu – Ủy viên HĐQT - Đại diện phần vốn góp của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans);

4. Ông Vũ Quang Đông - Ủy viên HĐQT - Đại diện phần vốn góp của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCBS) ;

5. Ông Nguyễn Xuân Trường - Đại diện phần vốn góp của Công ty CP Quản lý quỹ Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI AM).

- Kể từ ngày 29/3/2017, bà Nguyễn Thị Thanh Hà là Thành viên HĐQT không chuyên trách thay thế ông Trương Minh Giám thôi giữ chức danh Thành viên HĐQT không chuyên trách của Công ty.

- Kể từ ngày 31/7/2017, ông Nguyễn Xuân Trường là Thành viên HĐQT không chuyên trách thay thế bà Nguyễn Thị Thanh Hà thôi giữ chức danh Thành viên HĐQT không chuyên trách của Công ty.

2. Các hoạt động của Hội đồng Quản trị

Nhận thức được những khó khăn thách thức mà Pacific phải đối mặt trong năm 2017, Hội đồng Quản trị đã tích cực phối hợp cùng Ban điều hành tập trung giải quyết những vấn đề trọng tâm của Công ty, trong đó tập trung vào việc tổ chức phương án kinh doanh khai thác đội tàu dầu thô trong nước kết hợp khai thác trên thị trường quốc tế một cách hợp lý để tận dụng cơ hội thị trường đồng thời giám sát chặt chẽ công tác quản lý vốn và quản trị hệ thống quản lý tại đơn vị.

Các hoạt động giám sát, quản lý và chỉ đạo điều hành hoạt động công ty của HĐQT được thực hiện theo đúng pháp luật, quy định tại Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc họp, trao đổi, điều hành chủ yếu thông qua hình thức họp trực tuyến và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản. Trên cơ sở kết quả các cuộc họp, HĐQT đã ban hành 15 Nghị quyết/Quyết định làm cơ sở cho Giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh.

HĐQT đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát HĐQT, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.

3. Công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc

Hội đồng quản trị giám sát điều hành hoạt động của Ban điều hành trên cơ sở Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Quy chế hoạt động và phối hợp giữa HĐQT và Giám đốc và các quy chế nội bộ khác của Công ty Pacific. Hội đồng Quản trị Công ty đã thường xuyên thực hiện công tác quản lý, giám sát hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty thông qua việc tham dự và có ý kiến tại các cuộc họp định kỳ giao ban cũng như các cuộc họp sơ kết/tổng kết và các cuộc họp nội bộ của Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động và chỉ đạo xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SXKD qua các báo cáo, tờ trình của Giám đốc và Ban điều hành.

Các hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc trong năm 2017 gồm các nội dung chính như sau:

- Giám sát công tác điều hành của Ban Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Giám sát công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Giám sát công tác tổ chức bộ máy nhân sự, ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Giám sát việc triển khai thực hiện Báo cáo quyết toán dự án đầu tư hoàn thành – Dự án chuyển đổi tàu dầu thô 105.000 DWT thành FSO phục vụ mỏ Đại Hùng;
- Giám sát, theo dõi và đôn đốc việc xử lý khoản công nợ bị chiếm 80 tỷ đồng bị chiếm dụng tại Vietinbank - CN Nhà Bè.

Nhìn chung, trong năm 2017, Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, ổn định cơ cấu tổ chức, quản lý tốt tình hình tài chính của công ty, vốn cho sản xuất kinh doanh được đáp ứng đầy đủ. Công ty đã dần tạo được hình ảnh, uy tín, niềm tin cho khách hàng về dịch vụ quản lý khai thác tàu dầu thô đối với ngành vận tải dầu thô trong nước và quốc tế.

Hội đồng Quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc trong quản lý điều hành. Ban Giám đốc đã hết sức nỗ lực, quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, đấu tranh chống lại những hành vi làm tổn hại lợi ích và thương hiệu Công ty. Ban Giám đốc cũng đã tạo được mối quan hệ tốt giữa người lao động và người sử dụng lao động, đó cũng là động lực thúc đẩy toàn thể CBCNV và Ban lãnh đạo Công ty đoàn kết một lòng, quyết tâm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2018

Năm 2018, tình hình thị trường vận tải thế giới vẫn còn khó khăn do lượng cung tàu trên thế giới tăng lên trong khi nhu cầu vận chuyển vẫn còn ở mức thấp đồng thời sản lượng dầu khai thác từ các mỏ trong nước vào giai đoạn cuối chu kỳ khai thác tụt giảm nhanh làm cho khối lượng dầu mua và vận chuyển từ các mỏ trong nước về NMLD giảm nhanh dần từ năm 2018 dẫn đến thị trường vận tải dầu thô trong nước cho khách hàng giảm. Ngoài ra đội tàu dầu thô của PV Trans ngày càng già, chi phí hoạt động cao, kém lợi thế cạnh tranh khai thác so với những tàu của nước ngoài trẻ, tình trạng kỹ thuật tốt và tiêu hao nhiên liệu thấp.

Đứng trước những thách thức, khó khăn của năm 2018, để hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch hoạt động với những định hướng trong năm 2018 như sau:

- Chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành trong hoạt động SXKD và đầu tư. Đồng thời, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành nhằm giảm chi phí, giảm rủi ro, tăng hiệu quả kinh doanh đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018.
- Tiếp tục chỉ đạo cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy định, quy trình, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện có phù hợp với tình hình thực tế.
- Phê chuẩn, bổ nhiệm/miễn nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông, cũng như quan tâm đến quyền lợi, điều kiện làm việc cho người lao động.
- Chỉ đạo thực hiện công bố thông tin theo quy định quản lý của Nhà nước đối với Công ty đại chúng quy mô lớn.

IV. KẾT LUẬN

Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2017, với sự đoàn kết, sáng tạo và quyết tâm của Hội đồng quản trị, tập thể ban lãnh đạo Công ty cùng sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương, Hội đồng quản trị tin tưởng sẽ hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 giao và tiếp tục đưa Công ty đạt được những thành quả lớn hơn nữa, đảm bảo sự phát triển ổn định lâu dài của Công ty và không ngừng gia tăng lợi ích cho các cổ đông.

**TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 02

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương số 01/NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 11/5/2018)

Kết quả SXKD năm 2017 và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017

PHỤ LỤC 02

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2018

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2017

1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2017, Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng kiểm toán với Công ty kiểm toán Deloitte Việt Nam và Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được Deloitte kiểm toán hoàn thành vào ngày 23/03/2018 và đã được công bố thông tin đến các cơ quan quản lý và các cổ đông theo đúng quy định.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

Đvt: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH/KH năm 2017
1	Vốn điều lệ	942,75	942,75	100%
2	Vốn chủ sở hữu	1.089,56	1.092,45	100%
3	Tổng doanh thu	920,00	1.007,02	109%
4	Lợi nhuận trước thuế	82,00	88,54	108%
5	Lợi nhuận sau thuế	65,60	72,01	110%
6	Nộp ngân sách Nhà nước	42,00	59,06	141%

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 03

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương số 01/NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 11/5/2018)

Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017

Tp, Hồ Chí Minh, ngày...~~11~~ tháng...~~5~~ năm 2018

**PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ
TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2017**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lãi/Lỗ lũy kế năm 2016 chuyển sang		70.414.457.371
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN năm 2017 theo BCTC đã kiểm toán		88.538.302.864
3	Thuế TNDN		16.528.263.485
4	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN năm 2017 theo BCTC đã kiểm toán: = (2)-(3)		72.010.039.379
5	Lợi nhuận sau thuế được phân phối		48.149.468.750
5.1	Quỹ đầu tư phát triển phát triển: $30,9\% \times ((1)+(4))$	30,9%	44.049.468.750
5.2	Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi: $5\% \times (4)$	5,0%	3.600.000.000
5.3	Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành		500.000.000
6	Lãi/Lỗ lũy kế chuyển sang năm 2018: = (1)+(4)-(5)		94.275.028.000

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CP VTĐK THÁI BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 04

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương số 01/NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 11/5/2018)

Kế hoạch 05 năm giai đoạn 2016 – 2020

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2018

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

I. Mục tiêu chiến lược :

1. Mục tiêu:

- Giữ vững 100% thị phần vận tải dầu thô nội địa, luôn duy trì là Công ty vận tải dầu thô lớn nhất Việt Nam; Tăng trưởng doanh thu hàng năm cho giai đoạn trung bình đạt 7%/năm trở lên, tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ bình quân vượt 8% đến năm 2020. Phần đầu chia cổ tức hàng năm từ năm 2019 không dưới 10%.

- Giữ vững 100% thị phần vận tải dầu thô nội địa, luôn duy trì là Công ty vận tải dầu thô lớn nhất Việt Nam;

- Chiếm lĩnh thị phần vận tải dầu thô nhập khẩu cho các NMLD trong nước và dầu thô nhập khẩu cho NMLHD Nghi Sơn (tối thiểu 25% công suất đối với NMLD Nghi Sơn);

- Kinh doanh khai thác hiệu quả trên thị trường vận tải dầu thô quốc tế phù hợp với điều kiện của thị trường;

- Duy trì ổn định hoạt động cho thuê FSO PVN Dai Hung Queen; Từng bước mở rộng kinh doanh khai thác vận chuyển đường biển và kinh doanh khai thác thương mại đối với các loại hàng hóa khác để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

- Vận tải dầu thô nội địa, quốc tế;
- Thuê và cho thuê tàu vận tải dầu thô; Quản lý khai thác tàu dầu thô;
- Cho thuê kho nổi chứa xuất dầu thô (FSO PVN Dai Hung Queen);
- Kinh doanh khai thác thương mại, dịch vụ hàng hải, dầu khí.

Trong đó lĩnh vực dịch vụ vận tải dầu thô là lĩnh vực kinh doanh chính.

3. Công tác tái cơ cấu giai đoạn 2016-2020 :

Giảm tỷ lệ sở hữu của PVTrans tại Pacific từ 64,92%VĐL xuống tối thiểu 51% Vốn điều lệ.

II. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020 :

1. Kế hoạch tài chính:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Tổng tài sản	3.159	2.943	3.440	3.183	2.853
2	Vốn chủ sở hữu	1.024	1.093	1.169	1.159	1.259
3	Vốn điều lệ	943	943	943	943	1.200

TT	Chỉ tiêu	Năm				
		2016	2017	2018	2019	2020
4	Tổng doanh thu	1.145	1.007	1.180	1.445	1.450
5	Lợi nhuận trước thuế	78	89	100	110	130
6	Lợi nhuận sau thuế	60	72	80	88	104

2. Kế hoạch đầu tư :

Đvt : Tàu

Stt	Tàu	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng 5 năm (2016-2020)
1	Tàu Aframax			1			1
2	Tàu VLCC			1			1
	Tổng cộng			2			2

3. Kế hoạch vốn đầu tư :

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Tàu	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng
1	Tàu Aframax			420,0			420,0
2	Tàu VLCC			875,7			875,7
	Tổng vốn đầu tư			1.295,7			1.295,7

III. Các giải pháp thực hiện kế hoạch giai đoạn 2016-2020 :

1. Giải pháp về thị trường:

Tăng cường gặp gỡ, trao đổi với khách hàng để nắm bắt các yêu cầu, phản ánh về chất lượng dịch vụ của đơn vị, đồng thời nắm bắt cụ thể hoạt động, vận hành khả năng tiêu thụ sản phẩm đầu ra của của Nhà máy lọc dầu để phối hợp các bên liên quan duy trì ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào cho nhà máy. Bằng năng lực và kinh nghiệm, chất lượng dịch vụ vận tải dầu thô nội địa từ năm 2009 đến nay cho NMLD Dung quất, chuyên tải thông tin/thông điệp tới khách hàng là PVTrans/Pacific là đối tác đáng tin cậy, là một khâu không thể thiếu trong chuỗi công nghiệp dịch vụ dầu khí từ tiếp nhận, vận chuyển và cung cấp nguyên liệu đầu vào cho NMLD Dung Quất. Luôn đồng hành cùng với khách hàng trong suốt quá trình đảm bảo duy trì an toàn cho hoạt động sản xuất liên tục của Nhà máy lọc dầu và cho mỏ dầu;

Tổ chức các buổi hội thảo với khách hàng cùng với sự tham gia của các chuyên gia có kinh nghiệm quốc tế, đơn vị chuyên môn, công ty quản lý tàu (PSM) làm rõ những vấn đề còn chưa thống nhất, chia sẻ kinh nghiệm xử lý các tình huống phát sinh nhằm đảm bảo an toàn trong vận hành đội tàu dầu thô và đáp ứng kịp thời các yêu cầu khẩn khe của khách hàng trong việc đảm bảo an toàn sản xuất của nhà máy LD và của các mỏ tại Việt Nam, đáp ứng với các qui định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế. Đặc biệt trong công tác bảo quản hàng hóa (ROB/OBQ) trên tàu, kỹ thuật làm hàng và trả hàng dầu thô nhiều Parafin, công tác quản lý đào tạo thuyền viên, công tác bảo hiểm hàng hóa, xử lý tranh chấp các chi phí phát sinh (Claim), phương án bố trí tàu trong điều kiện thời tiết biển ngày càng bất thường để có những điều chỉnh lịch tàu, bố trí tàu hợp lý, hiệu quả khi có yêu cầu định kỳ/đột xuất từ khách hàng/chủ mỏ;

Phối hợp chặt chẽ cùng với Tổng công ty tham gia đấu thầu dịch vụ vận chuyển dầu thô trong nước, đảm bảo đáp ứng toàn bộ các yêu cầu về kỹ thuật, về an toàn cũng như về giá thành dịch vụ để khẳng định năng lực và vị thế số một tại thị trường vận tải hàng lỏng Việt Nam của PVTrans/Pacific;

Chủ động tích cực tăng cường công tác tiếp thị, tranh thủ sự ủng hộ của Chính phủ, của Tập đoàn, các đơn vị trong Tập đoàn và các Công ty tham gia đầu tư trong các dự án của các NMLD trong nước, đạt được các thỏa thuận có lợi về phân chia thị phần vận chuyển dầu thô đầu vào cho các dự án;

Tiếp tục duy trì và phát triển mối quan hệ bền chặt với các khách hàng truyền thống như: BSR, PV Oil, PVEP, VSP, HL-HV, CLJOC, DaiHung POC làm gia tăng hiệu quả hoạt động điều hành, khai thác đội tàu dầu thô PV Trans/Pacific, mảng dịch vụ vận tải tàu thuê ngoài khác và kho chứa nổi (FSO).

2. Giải pháp về khai thác:

Đẩy mạnh xúc tiến làm việc với NSRP để sớm đi đến thống nhất thỏa thuận cho phép PVTrans/Pacific được cung cấp tối thiểu 01 tàu VLCC tham gia vận chuyển dầu thô nhập khẩu cho NSRP tuyến Kuwait-Nghi Sơn – Kuwait khi Nhà máy lọc dầu đi vào vận hành thương mại. Qua đó hoàn thành phương án đầu tư 01 tàu VLCC dưới 15 tuổi với chi phí Capex thấp để nâng cao năng lực đội tàu, gia tăng khả năng cạnh tranh;

Thông qua các giải pháp về đầu tư khi điều kiện cho phép để đầu tư thêm 01 tàu Aframax dưới 15 tuổi vào thời điểm thị trường mua bán tàu ở giai đoạn thấp điểm (cuối 2018 - đầu 2019) để cho thuê định hạn (TC) hoặc thực hiện theo hợp đồng COA dài hạn tại các thị trường Trung Đông, Địa Trung Hải; Đông Á v.v với lợi thế có chi phí Capex thấp;

Tập trung tìm kiếm khách hàng để cho thuê tàu PVT Athena theo hợp đồng TC dài hạn hoặc hợp đồng COA và/hoặc linh hoạt điều chuyển về khai thác tại thị trường trong nước khi có tàu trẻ thay thế khai thác trên thị trường quốc tế, đảm bảo hiệu quả khai thác tổng thể đội tàu dầu thô của PVTrans/Pacific. Tập trung vào khai thác các tuyến quốc tế có giá cước cao, các tuyến truyền thống tại khu vực Đông – Bắc Á và Trung Đông, Địa Trung Hải và các tuyến mới phát sinh khi có sự dịch chuyển về cung cầu vận chuyển dầu thô sang Châu Á Thái Bình Dương của các nước thuộc khối OPEC/Nga với những khách hàng truyền thống như Shell, Vitol, Trafigura, Glencore, Luke OIL, Jellicoe, Reliance, MRPL, IOC, BPCL; phát triển, mở rộng giao dịch với các khách hàng khu vực Trung Đông như ADNOC, ENOC, KPC, SK Energy;

Tiếp tục đẩy mạnh và phát huy những mối quan hệ hợp tác tham gia chia sẻ thị phần vận chuyển dầu thô Việt Nam xuất nhập khẩu trong thời gian tới.

Hợp tác với các nhà môi giới, các chủ tàu, các đối tác nước ngoài có uy tín để mở rộng thị trường vận tải và để có hợp đồng vận chuyển dài hạn cho ít nhất 01 tàu. Tập trung nguồn lực mở rộng phát triển công tác thuê và cho thuê tàu dầu thô.

3. Giải pháp về đầu tư và vốn:

Hợp tác với các quỹ đầu tư/tổ chức tài chính trong và ngoài nước như Standard Chartered, VIB, TienPhong Bank, PVComBank... để thu xếp vốn vay trong chiến lược đầu tư tàu VLCC và mua bổ sung 01 tàu Aframax để kinh doanh khai thác quốc tế nếu có hiệu quả và xác định được khách hàng và thị trường thuê tàu;

Xem xét phương án đầu tư thuê/mua thêm 01 tàu Aframax và/hoặc liên danh với 01 trong các Chủ tàu có uy tín lớn trong khu vực như TK, SK hoặc Glencore v.v vào cuối năm 2018;

Đến cuối năm 2020 sau khi đã trả hết nợ vay cho Citibank và các ngân hàng tài trợ,

Pacific sẽ cấu trúc lại cơ cấu vốn hợp lý (giảm tỷ lệ vốn CSH và tăng tỷ lệ vốn vay) đối với các tài sản đã đầu tư là tàu PVT Athena và tàu FSO PVN Dai Hung Queen. Việc tái cơ cấu lại khoản vay của các tài sản này trong vòng 5 năm đảm bảo Vốn chủ sở hữu không bị thiếu hụt;

Vào cuối năm 2018, Pacific đầu tư mua tàu VLCC bằng hình thức đầu tư mua tàu trực tiếp hoặc hợp tác đầu tư đồng sở hữu tài sản để có thêm tàu dầu thô cho kinh doanh khai thác (BCC).

4. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp:

Áp dụng có chọn lọc các mô hình quản lý chuyên nghiệp của các công ty vận tải quốc tế vào mô hình quản lý của Pacific. Hoàn thiện và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ hoạt động SXKD, nhằm kiểm soát và phát huy tốt mọi nguồn lực của đơn vị, đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất đến cho khách hàng, nâng cao hiệu quả SXKD toàn Công ty trong mọi lĩnh vực. Đồng thời xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc cụ thể, rõ ràng, chính xác và thực hiện phân bổ quỹ lương theo bộ phận, trả lương theo hiệu quả công việc;

Nâng cao năng lực quản lý kỹ thuật tàu, phối hợp, kiểm tra giám sát chặt chẽ đơn vị quản lý kỹ thuật tàu thuê ngoài, đảm bảo các điều kiện kỹ thuật an toàn của đội tàu, đáp ứng nhu cầu khai thác đội tàu trong nước và quốc tế;

Quản lý chặt chẽ các định mức kinh tế kỹ thuật, đặc biệt định mức tiêu hao nhiên liệu, tiếp tục thực hiện tốt chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các hoạt động của công ty, định mức hao hụt hàng hóa, định mức ngân sách phụ tùng, vật tư của đội tàu, chi phí khai thác và sửa chữa tàu, chi phí quản lý nhằm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tăng cường rà soát và hoàn chỉnh các quy trình kỹ thuật bảo dưỡng, vận hành tàu; các định mức kinh tế kỹ thuật; quy trình khai thác tàu nhằm mục đích tiết kiệm chi phí ngày tàu.

5. Giải pháp về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

Tập trung nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ quản lý tại văn phòng, đặc biệt đối với việc quản lý khai thác loại tàu lớn VLCC. Xem xét việc liên kết với một số công ty quản lý kỹ thuật, quản lý thuyền viên có uy tín của nước ngoài để vừa hỗ trợ quản lý vừa đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ quản lý của khối văn phòng và thuyền viên;

Tuyển chọn nhân sự có trình độ, kinh nghiệm kết hợp đào tạo tại chỗ (on-job-training) với việc cử đi học tập, thực tập tại các Công ty vận tải, môi giới lớn trong khu vực và thế giới;

Chú trọng nâng cao công tác đào tạo chất lượng nguồn nhân lực (Chartering & Operations) để nhanh chóng hòa nhập và bắt nhịp với những biến động của thị trường quốc tế, thị trường nội địa, sớm nhận ra những cơ hội và thách thức phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ vận chuyển dầu thô cho khách hàng nhằm giữ vững 100% thị phần vận tải trong nước cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Tăng cường công tác giám sát, đánh giá năng lực của cán bộ. Xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc cụ thể, rõ ràng, chính xác và thực hiện phân bổ quỹ lương theo bộ phận, trả lương theo hiệu quả công việc;

Đánh giá lại chất lượng cán bộ nhân viên, hoàn thiện các tiêu chuẩn chức danh, tuyển dụng và bổ sung các cán bộ có năng lực; Quan tâm, nghiên cứu vấn đề đãi ngộ cán bộ và từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Có cơ chế phù hợp để thu hút cán bộ có năng lực trong và kể cả ngoài ngành tham gia vào lực lượng cán bộ chủ chốt của công ty.

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 05

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương số 01/NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 11/5/2018)

Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017

Ban Kiểm soát Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương bao gồm 03 thành viên:

1. Ông Trần Minh Bằng : Trưởng BKS (kiêm nhiệm)
2. Ông Nguyễn Bá Nghị : Thành viên BKS (kiêm nhiệm)
3. Ông Hồ Văn Bá : Thành viên BKS (kiêm nhiệm)

Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ theo quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Pacific đã ban hành. Công tác triển khai thực hiện việc giám sát, kiểm tra kiểm soát trong Công ty được thực hiện theo kế hoạch năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Trong quá trình làm việc, các thành viên Ban Kiểm soát đã có những ý kiến đóng góp thiết thực trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty; thực hiện trao đổi công việc qua các phương tiện email, điện thoại để hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao nhất.

Việc kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát đã tập trung vào các vấn đề sau:

- Giám sát tình hình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty;
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty, giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty.
- Trình ĐHĐCĐ về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.
- Đánh giá, thẩm định các thông tin trên báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty theo các chế độ tài chính kế toán hiện hành.
- Tham gia ý kiến với HĐQT Công ty đối với những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh như việc chuẩn bị đầu tư tàu VLCC để tham gia vận chuyển cho NMLD Nghi Sơn, việc chuẩn bị đầu tư tàu Aframax để tham gia vận

chuyên cho NMLD Dung Quất và/hoặc tham gia vận chuyển tại thị trường quốc tế, việc quản lý các khoản công nợ...

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

1. Hoạt động đầu tư năm 2017

Năm 2017, Pacific đang tích cực thực hiện các thủ tục đầu tư tàu Dầu thô VLCC để tham gia vận tải dầu thô cho NMLD Nghi Sơn và đầu tư tàu Aframax tham gia vận tải trong nước và quốc tế. Thời gian dự kiến thực hiện trong năm 2018 & 2019.

2. Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp

- Pacific đã xây dựng phương án tái cấu trúc toàn bộ mảng vận tải dầu thô báo cáo Tổng công ty theo hướng nâng cao sức cạnh tranh để bảo vệ giữ vững thị trường nội địa và mở rộng hoạt động trên thị trường quốc tế thông qua giải pháp phát triển và trẻ hóa đội tàu dầu thô.
- Tiếp tục triển khai mạnh mẽ công tác quản trị và quản lý tại đơn vị, trong đó đã tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như: kiểm tra giám sát việc quản lý kỹ thuật tàu của PSM; công tác quản lý tiêu hao nhiên liệu của đội tàu dầu thô PVTrans, công tác quản lý tài chính, quản lý công nợ khách hàng; kiểm tra đánh giá việc tuân thủ áp dụng các quy chế, quy trình đã được ban hành và triển khai xây dựng các quy chế, quy trình quản lý còn thiếu nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu quản lý doanh nghiệp.

3. Công tác lập báo cáo và tình hình tài chính

Ban kiểm soát tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 của Pacific theo kế hoạch đề ra. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Pacific phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2017. Qua thẩm định, Ban kiểm soát thống nhất xác nhận kết quả Báo cáo tài chính năm 2017 và đánh giá Báo cáo tài chính năm 2017 của Pacific được trình bày trung thực, hợp lý, phù hợp với các quy định hiện hành.

4. Công tác nhân sự, đào tạo

Pacific tiếp tục chú trọng xây dựng lực lượng lao động có chuyên môn cao qua công tác tuyển dụng gắn liền sàng lọc theo tiêu chí “tinh gọn và hiệu quả” phù hợp với quy mô hiện tại và chuẩn bị cho giai đoạn mở rộng kinh doanh quốc tế.

Nhận được sự hỗ trợ và chỉ đạo quyết liệt từ Tổng công ty PVTrans, công tác triển khai phân công nhiệm vụ, sắp xếp bố trí lại nhân sự tại đơn vị đã được thực hiện nghiêm túc giúp công ty duy trì hoạt động SXKD ổn định, phù hợp với quy mô hiện tại và chuẩn bị cho giai đoạn mở rộng kinh doanh quốc tế trong thời gian tới.

5. Công tác an sinh xã hội

Trong năm 2017, Pacific đã hưởng ứng và tham gia tích cực các hoạt động về công tác an sinh, xã hội, hoạt động đoàn thể cùng với tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên của Cơ quan Tổng công ty. Ngoài ra, Công ty cũng tiếp tục duy trì các chính sách phúc lợi cho CBCNV, tổ chức, chúc mừng tặng quà nhân các ngày lễ, ngày kỷ niệm, thăm và tặng quà cho người lao động sinh con...

6. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

Năm 2017, tình hình thị trường vận tải hàng lông quốc tế tiếp tục diễn biến theo hướng khó khăn và giao dịch trầm lắng tại hầu hết các phân khúc, bên cạnh sự chỉ đạo sát sao, sự hỗ trợ kịp thời của Tổng Công ty PV Trans cùng với sự nỗ lực quyết tâm, đoàn kết trong toàn thể Ban lãnh đạo và CBCNV trong Công ty, Pacific đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu được giao. Các chỉ tiêu hoạt động đã đạt được trong năm 2017 như sau:

- Doanh thu thực hiện năm 2017: 1.007 tỷ đồng, đạt 109,4% so với kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế năm 2017: 88,5 tỷ đồng, đạt 107,9% so với kế hoạch
- Lợi nhuận sau thuế năm 2017: 72 tỷ đồng, đạt 109,7% so với kế hoạch

III. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý

1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị giám sát điều hành hoạt động của Ban điều hành trên cơ sở Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động và phối hợp giữa HĐQT và Giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty. Hội đồng Quản trị đã thực hiện chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ tốt cho Ban Giám đốc điều hành công tác sản xuất kinh doanh. Hội đồng Quản trị đã ban hành 15 Nghị quyết/Quyết định làm cơ sở cho Giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Hoạt động của Ban Giám đốc

Ban giám đốc điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, luôn chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất ý kiến với Hội đồng Quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT Công ty.

IV. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc

Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty được quy định theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Pacific.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã hỗ trợ và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng của mình. Các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc phản hồi đầy đủ và kịp thời.

V. Nhận xét

- Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động và Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT Pacific. Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc đã hết sức nỗ lực, quyết liệt trong việc thực hiện và hoàn thành một cách tốt nhất các chỉ tiêu mà Tổng Công ty, Đại hội đồng cổ đông giao.
- Tình hình thị trường vận tải thế giới vẫn còn khó khăn do lượng cung tàu trên thế giới tăng lên trong khi nhu cầu vận chuyển vẫn còn ở mức thấp đồng thời sản lượng khai thác từ các mỏ dầu trong nước vào giai đoạn cuối chu kỳ khai thác tụt giảm nhanh làm cho khối lượng dầu mua và vận chuyển từ các mỏ trong nước về NMLD giảm nhanh dần từ năm 2018 dẫn đến thị trường vận tải dầu thô trong nước cho khách hàng giảm. Bên cạnh đó, Công ty cần chủ động xây dựng nhiều phương án ứng phó những diễn biến xấu như giá dầu sụt giảm, tình hình biến động tỷ giá, biến động chính trị...và hoàn thiện hơn nữa hệ thống kiểm soát nội bộ bằng cách rà soát, bổ sung các qui trình quy chế liên quan phù hợp theo tình hình thực tế của đơn vị. Tiếp tục phát huy hơn nữa sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành Công ty.

VI. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Pacific dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2018 như sau :

- Giám sát các hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc; việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định, Quy chế của Công ty;
- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, 6 tháng, hàng quý của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty;
- Giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý và sử dụng vốn; việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty; việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ;
- Giám sát việc đầu tư mua tàu VLCC để tham gia vận chuyển dầu thô cho nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn và mua tàu Aframax để khai thác trong nước và quốc tế.

- Tham dự một số cuộc họp quan trọng của Hội đồng quản trị Công ty và tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Kiểm soát với các bộ phận liên quan của Công ty trong việc thực hiện các công việc kiểm tra, giám sát để có những kiến nghị, đóng góp kịp thời nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;
- Các vấn đề khác.

**TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 06

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương số 01/NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 11/5/2018)

Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2018

LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP NĂM 2018

- Thông qua danh sách 3 Công ty kiểm toán độc lập (sắp xếp theo thứ tự a, b, c) để HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính của Công ty năm 2018, cụ thể như sau:
 - a. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
 - b. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
 - c. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- Ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán nêu trên thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2018 theo quy định hiện hành.

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CP VTĐK THÁI BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 07

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương số 01/NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 11/5/2018)

Thù lao của HĐQT, BKS trong năm 2017

Và Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2018

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2018

**BÁO CÁO THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN
TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH 2018**

1. Thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2017

- Đối với Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách: Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng, ủy viên HĐQT: 2.000.000 đồng/người/tháng, trưởng ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/tháng, thành viên BKS: 1.000.000 đồng/người/tháng. Tổng số tiền thù lao thực hiện năm 2017 của HĐQT và BKS không chuyên trách là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) đúng bằng kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Đối với Thành viên HĐQT, BKS chuyên trách và thành viên HĐQT là Giám đốc công ty: tiền lương, tiền thưởng được thực hiện đúng theo Quy chế trả lương, thưởng của Công ty.

2. Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2018

Trên cơ sở nhân sự HĐQT, BKS năm 2018, căn cứ Quy chế trả lương trả thưởng của Công ty Pacific, kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2018 như sau:

- Đối với Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách: Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng, ủy viên HĐQT: 2.000.000 đồng/người/tháng, trưởng ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/tháng, thành viên BKS: 1.000.000 đồng/người/tháng. Tổng số tiền thù lao kế hoạch năm 2018 của HĐQT và BKS không chuyên trách dự kiến là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).
- Đối với Thành viên HĐQT, BKS chuyên trách và thành viên HĐQT là Giám đốc công ty: tiền lương, tiền thưởng được thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

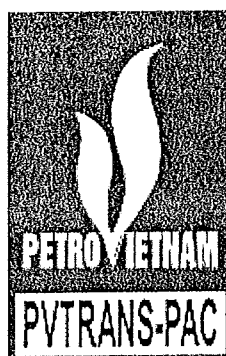
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 08

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương số 01/NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 11/5/2018)

Điều lệ Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2018

1/11

1/11

1/11 - 5/11/18

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	6
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	6
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	7
Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty	7
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 10. Quyền của cổ đông	7
Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông	8
Điều 12. Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 14. Đại diện theo ủy quyền	11
Điều 15. Thay đổi các quyền	12
Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị	19
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	21
Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	23
Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị	23
Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị	26
Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty	26
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	27
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	27
Điều 32. Người điều hành Công ty	27
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	27
IX. BAN KIỂM SOÁT	28
Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	28
Điều 35. Kiểm soát viên	29
Điều 36. Ban Kiểm soát	30

X.	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	31
	Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng	31
	Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	31
	Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	32
XI.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	33
	Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	33
XII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	33
	Điều 41. Công nhân viên và công đoàn	33
XIII.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	33
	Điều 42. Phân phối lợi nhuận	33
XIV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	34
	Điều 43. Tài khoản ngân hàng	34
	Điều 44. Năm tài chính	34
	Điều 45. Chế độ kế toán	34
XV.	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	35
	Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	35
	Điều 47. Báo cáo thường niên	35
XVI.	KIỂM TOÁN CÔNG TY	35
	Điều 48. Kiểm toán	35
XVII.	CON DẤU	36
	Điều 49. Con dấu	36
XVIII.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	36
	Điều 50. Chấm dứt hoạt động	36
	Điều 51. Thanh lý	36
XIX.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	36
	Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ	36
XX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	37
	Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	37
XXI.	NGÀY HIỆU LỰC	37
	Điều 54. Ngày hiệu lực	37

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương tổ chức chính thức vào ngày 11/05/2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;

b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);

c. "Luật chứng khoán" là luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)

d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;

e. "Người điều hành Công ty" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

f. "Người quản lý khác" là người được Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo các quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;

h. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty

i. Cổ đông của Công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

k. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Điều lệ này có tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

• Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

• Tên giao dịch quốc tế: PACIFIC PETROLEUM TRANSPORTATION JOINT STOCK COMPANY

• Tên viết tắt: PV TRANS PACIFIC

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

• Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

• Điện thoại: (84-28) 38228546

• Fax: (84-28) 38228545

• Website: www.pacific.pvtrans.com

• Email: pacific@pvtrans.com

4. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ trường hợp giải thể Công ty theo Khoản 2 Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh vận tải dầu thô; Đào tạo nghề; Dịch vụ giới thiệu việc làm; Cho thuê phương tiện vận tải; Dịch vụ môi giới tàu biển; đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển; Sửa chữa tàu biển; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và các dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Công ty và các cổ đông. Không ngừng cải thiện đời sống điều kiện việc làm, thu nhập cho người lao động, đồng thời góp phần phát triển nền kinh tế quốc dân.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là **942.750.280.000 VND** (Chín trăm bốn mươi hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng Việt Nam).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **94.275.028** cổ phần (Chín mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn không trăm hai mươi tám) với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm **94.275.028 cổ phần phổ thông** (Chín mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn không trăm hai mươi tám cổ phần), các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 10, Điều 11 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được ghi tăng số cổ phần tương ứng đã mua trên tài khoản lưu ký chứng khoán hoặc được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới, cổ đông được

Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó tuân thủ đúng trình tự pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty (nếu có).

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ hoặc bị hạn chế chuyển nhượng theo phương án phát hành sẽ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện thông qua các hình thức bỏ phiếu biểu quyết khác theo quy định của pháp luật;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông đó và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của cổ đông đó;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất từ sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký sở hữu cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Các quyền khác được quy định của Pháp luật và tại Điều lệ này

Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ về quản trị của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo

đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông để giải thích các nội dung liên quan đến Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính đã kiểm toán sáu (06) tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.

e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Người điều hành Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập,

tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định đầu tư, hoặc bán số tài sản Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại từ 10% trở lên tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:



a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 13 này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Tổ chức, cá nhân là cổ đông của Công ty có sở hữu ít nhất từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền tối đa cho 03 người đại diện. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty cung cấp hoặc được công chứng theo quy định của pháp luật và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức, cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc

trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có đại diện của cổ đông nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại diện như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ đại diện yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 18 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố bằng phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải

được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn địa chỉ trang thông tin điện tử có toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên đó;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm việc đề cử ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp chưa xác định trước ứng viên. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp/thông tin ứng viên (nếu có) theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được

ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba thì được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung trước đó đã biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông

qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty so với cơ cấu tổ chức quy định tại Điều 9 Điều lệ này và ngoại trừ thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này và theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;

Ann

[Handwritten signatures]

d. Dự án đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá

nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

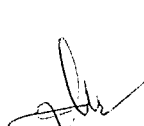

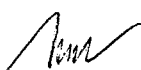
Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty, trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.



8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại quyết định đó.

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông



quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án xem xét, huỷ bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Điều lệ này.

2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.



3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;

b. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị tạm miễn nhiệm.

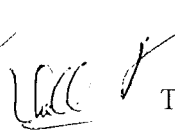
Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty và không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty, quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ theo quy định quản lý nội bộ của Công ty. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và Người điều hành Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;
 - f. Quyết định tổ chức bộ máy quản lý của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm và mức cổ tức tạm ứng, quyết định thời hạn



và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Giám đốc;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có);

3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty và theo quy định của pháp luật. Việc tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Công ty.

c. Thành lập công ty con của Công ty; mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty con của Công ty.

d. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;

e. Việc vay nợ, thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

f. Các khoản đầu tư, thanh lý tài sản dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty và theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các loại tài sản phi tiền tệ khác;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc và Người điều hành Công ty trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và

chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bầu một thành viên của Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

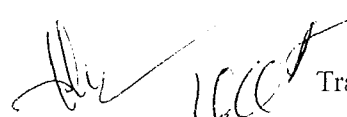
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức, bị bãi miễn hoặc hết nhiệm kỳ thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải họp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc để bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế. Trường hợp sau mười (10) ngày làm việc, Hội đồng Quản trị vẫn chưa tổ chức cuộc họp để bầu Chủ tịch, Ban Kiểm soát sẽ chủ trì triệu tập tổ chức cuộc họp của Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch.

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Công ty.

Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị



thường kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một (01) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban Kiểm soát;
- b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

5. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc hoặc tại địa điểm khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

6. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của thành viên.

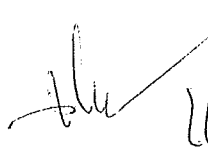
Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong



cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

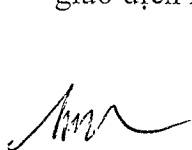
b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

11. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.



12. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của tất cả chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc phụ trách về chính sách phát triển, lương thưởng, nhân sự, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có thể có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm là trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần

nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo phân cấp trong quy chế nội bộ của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm mãn cán để Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. Hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ

nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ của Công ty.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng Người điều hành Công ty mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ của Công ty và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Công ty để Hội đồng Quản trị quyết định;

f. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của các chức danh thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;

g. Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách, kế hoạch tài chính năm của Công ty;

h. Chuẩn bị các bản kế hoạch dài hạn của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn của Công ty theo mục tiêu, chiến lược phát triển. Bản kế hoạch dài hạn cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử, tiêu chuẩn Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên

hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên của Công ty có từ ba (03) đến năm (5) người. Số lượng cụ thể các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và Điều lệ Công ty.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

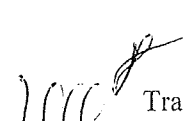
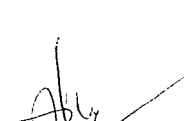
- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Người điều hành Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn bằng văn bản xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty;
- d. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết



thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- e. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- f. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- g. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 36. Ban Kiểm soát


1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, người điều hành Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cổ đông;
- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành Công ty, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.



X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành Công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định Pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

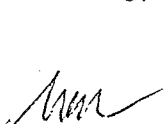
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm Công ty mẹ, Công ty con hoặc Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ hoặc thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành Công ty hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:

a. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các



giao dịch quy định tại mục a khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành;

c. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại mục a và mục b khoản 5 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó;

d. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện



trách nhiệm của mình.

c. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành Công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ

quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các loại cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua các công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác;

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải lập báo cáo tài chính năm năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này. Công ty phải nộp và công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính; bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo, các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận

và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng Quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 51. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các

luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay Người điều hành Công ty;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban chấp hành công đoàn Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp thuận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực


1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí nhất trí thông qua ngày tháng năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
- c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.


3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.




HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

01 Mai Thế Toàn




.....

02 Lê Mạnh Tuấn



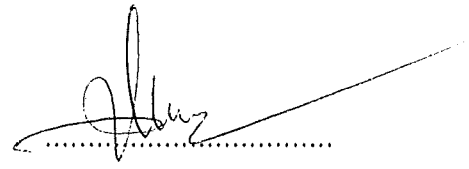
.....

03 Đoàn Đình Hiếu



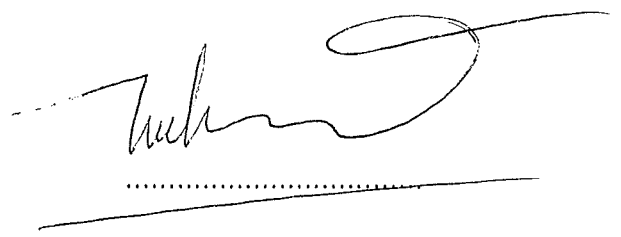
.....

04 Lê Mạnh Hùng



.....

05 Trương Minh Hùng



.....

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CP VTĐK THÁI BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 09

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương số 01/NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 11/5/2018)

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
(đính kèm Nghị quyết số 01./NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 11./5/2018)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

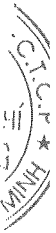
Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là Công ty) được xây dựng dựa trên Điều lệ Công ty, Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Quản trị Công ty:** là hệ thống các nguyên tắc đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty;
- **Luật Doanh nghiệp:** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
- **Luật chứng khoán:** là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
- **Người có liên quan:** là cá nhân, tổ chức được quy định tại “Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp” và “Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán”;
- **Người điều hành Công ty:** là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
- **Người quản lý khác:** là người được Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm theo các quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- **Cổ đông của Công ty:** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- **Cổ đông lớn:** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- **Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành:** Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về Quản trị Công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.



CHƯƠNG II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP
VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3: Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD). Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4: Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố bằng phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn địa chỉ trang thông tin điện tử có toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên đó;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 5: Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách chốt cổ đông để thực hiện quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp) có mặt tại Đại hội và thực hiện đăng ký tham dự Đại hội một cách hợp lệ theo quy định do Công ty công bố.

3. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6: Ban kiểm phiếu

1. Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện thông qua Ban Kiểm phiếu. Ban Tổ chức Đại hội sẽ chuẩn bị và đề xuất với Đại hội đồng cổ đông một (01) Ban Kiểm phiếu để chịu trách nhiệm: Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; Giới thiệu và phát phiếu bầu, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trong quá trình bầu cử/biểu quyết; Tiến hành kiểm phiếu; Công bố kết quả bầu cử/biểu quyết trước Đại hội. Số lượng, thành phần Ban Kiểm phiếu được Ban tổ chức đề cử và được các cổ đông tham dự Đại hội thông qua tại Đại hội theo hình thức biểu quyết công khai.

2. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 7: Nguyên tắc và cách thức bỏ phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua.

2. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết.

3. Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

4. Trước khi bỏ phiếu, Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông có mặt tại Đại hội.

5. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có thông báo của đại diện Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu cử/biểu quyết vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm thông báo tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban Kiểm phiếu niêm phong.

6. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có

quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 8: Cách thức kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo quy định như sau:

- a. Ban Kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng làm việc/khu vực riêng;
- b. Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
- c. Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu bầu cử/biểu quyết;
- d. Kiểm tra lần lượt từng phiếu bầu cử/biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;
- e. Niêm phong toàn bộ các phiếu bầu cử/biểu quyết và bàn giao lại cho Chủ tọa.

Điều 9: Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử/biểu quyết và lập thành Biên bản Kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu sẽ được các thành viên của Ban Kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

2. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung: Thành phần Ban Kiểm phiếu; Thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu, danh sách đề cử; Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Tổng số cổ phần có quyền bầu cử/biểu quyết có mặt tại Đại hội; Tổng số phiếu phát ra; Tổng số phiếu thu về; Tổng số phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu hợp lệ; Tổng số phiếu đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến và tỷ lệ biểu quyết tương ứng với từng nội dung biểu quyết; Số cổ phần biểu quyết cho từng ứng viên vào HĐQT và BKS, Danh sách trúng cử; Chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu.

3. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. Trưởng Ban Kiểm phiếu có thể thay mặt Chủ tọa công bố kết quả bầu cử/biểu quyết.

Điều 10: Nội dung biểu quyết được thông qua

Các nội dung biểu quyết được thông qua khi số cổ phần đồng ý trên số cổ phiếu biểu quyết hợp lệ thu về đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ Công ty.

Điều 11: Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản cuộc họp có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông/đại diện ủy quyền và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của các cổ đông/đại diện ủy quyền dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông/đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông/người được ủy quyền đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 12: Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được lập và công bố cùng thời điểm với Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13: Yêu cầu hủy bỏ quyết định Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Điều lệ Công ty.

2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 14: Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của

Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15: Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm

phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của người không phải là Người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Công ty không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

CHƯƠNG III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16: Ứng cử, đề cử người thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của

các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác được quy định tại quy chế bầu cử được thông qua tại đại hội. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 17: Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - c) Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không quá 05 (năm) công ty khác;
 - d) Thành viên Hội đồng Quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ - Tổng công ty;
 - e) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; không phải là Người điều hành của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
- f) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18: Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định lựa chọn cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo một trong hai phương thức nêu trên. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số lượng thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Đại hội đồng cổ đông hoặc quy chế bầu cử. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời

hạn ba mươi (30) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty.

Điều 19: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
2. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20: Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21: Thông báo họp, điều kiện họp, cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt

hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

6. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

7. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông

qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Cách thức biểu quyết:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 7 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 22: Ghi biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ tên chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị tới các thành viên và là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp.

3. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 23: Công bố thông tin Nghị quyết Hội đồng Quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu) hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

CHƯƠNG V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 24: Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều 16 và Điều 18 Quy chế này về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác được quy định tại quy chế bầu cử được thông qua tại Đại hội. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 25: Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;
- b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- c. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- d. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- f. Kiểm soát viên Công ty phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 26: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn bằng văn bản xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty;
 - d. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia ý kiến của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy

định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Quy chế này.

Điều 27: Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28: Các tiểu ban, cơ cấu, tiêu chuẩn, trách nhiệm thành viên và trưởng tiểu ban

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên cũng như Trưởng tiểu ban.

CHƯƠNG VII

GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 29: Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo phân cấp trong quy chế nội bộ của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Điều 30: Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải

có trách nhiệm miễn cán đề Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 31: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm kỳ của Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điều 65 và điều 157 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

3. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 32: Công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

**PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC**

Điều 33: Trách nhiệm ban hành các quy chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

Hội đồng Quản trị Công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty để xây dựng ban hành các Quy chế, quy định cụ thể về hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và sự phối hợp giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty trong các công tác quản lý, kiểm tra giám sát, quản trị điều hành Công ty.

Điều 34: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

1. Các thủ tục, trình tự họp tương tự như quy định tại Điều 21 Quy chế này.

2. Người phụ trách quản trị Công ty hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty, chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát.

Điều 35: Thông báo nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho Ban kiểm soát

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Người điều hành Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và

hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 36: Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Giám đốc Công ty có trách nhiệm thực hiện các báo cáo định kỳ và bất thường theo yêu cầu cho Hội đồng quản trị và/hoặc Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề cụ thể như sau:

1. Báo cáo Hội đồng quản trị Công ty:
 - a. Định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị Công ty về tình hình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 3 điều 33 Điều lệ Công ty và các công việc khác được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền thực hiện;
 - b. Báo cáo Hội đồng Quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Thực hiện báo cáo đột xuất về các vấn đề theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát.
2. Báo cáo và giải trình trước Đại hội đồng cổ đông về:
 - a. Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm trên cơ sở các nghị quyết đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
 - b. Tình hình sử dụng vốn; đầu tư mua sắm, cầm cố, thuê, cho thuê, thanh lý, chuyển nhượng các tài sản cố định, sử dụng lao động và các vấn đề khác thuộc quyền hạn của Giám đốc Công ty theo quy định tại khoản 3 điều 33 Điều lệ Công ty;
 - c. Các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan, chính quyền các cấp về bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường cũng như những hoạt động xã hội khác của Công ty;
 - d. Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý việc cấp sổ chứng nhận cổ đông, thay đổi thông tin cổ đông, quản lý việc thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
 - e. Các nội dung khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37: Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc

Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 38: Cách thức Giám đốc cung cấp thông tin và thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát

Giám đốc và Người điều hành Công ty phải báo cáo, cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban kiểm soát, hoặc các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc gửi báo cáo, cung cấp thông tin và tài liệu nêu trên phải đảm bảo đến đúng địa chỉ đã được thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên đăng ký với Công ty hoặc theo địa chỉ được yêu cầu.

Điều 39: Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế nội bộ về việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

CHƯƠNG IX

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 40: Quy định về đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật

Hội đồng Quản trị Công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế về việc đánh giá hoàn thành kế hoạch, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành của Công ty.

CHƯƠNG X

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 41: Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện

kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Quy chế này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

5. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn Người phụ trách quản trị Công ty được công bố thông tin theo quy định của pháp luật./.

Số: 01 /BBH-TBD-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tên doanh nghiệp: Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PV Trans Pacific)

Mã số doanh nghiệp: 0305475110, đăng ký lần đầu ngày 28/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 31/8/2016

Địa chỉ trụ sở chính: tầng 3, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1, Tp.HCM

Thời gian họp Đại hội đồng cổ đông: 09h00 ngày 11/5/2018

Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông: tầng 1 – khách sạn Novotel Saigon Centre, số 167 Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, Tp.HCM

CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG CUỘC HỌP

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Chủ tọa Đại hội

Theo quy định của Điều lệ Công ty, Chủ tịch HĐQT Công ty – Ông Mai Thế Toàn – là chủ tọa điều hành Đại hội.

2. Cổ đông tham dự

ĐHĐCĐ đã nghe ông Nguyễn Cao Kỳ - Tổ kiểm tra tư cách cổ đông công bố kết quả xác nhận tư cách cổ đông dự họp như sau:

Ngày 11/5/2018, Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương đã tiến hành mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo danh sách chốt cổ đông ngày 17/4/2018.

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông có mặt tại thời điểm khai mạc Đại hội là 20 cổ đông (trong đó có 10 cổ đông tham dự trực tiếp và 10 cổ đông tham dự thông qua ủy quyền), đại diện cho 91.311.180 cổ phần, tương đương 96,86% cổ phần có quyền biểu quyết, theo danh sách cổ đông được chốt ngày 17/4/2018 (*Biên bản Kiểm tra tư cách cổ đông – đính kèm Biên bản này*).

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 đủ điều kiện tiến hành.

3. Đoàn Chủ tịch, Tổ Thư ký và Tổ Kiểm phiếu

Ban tổ chức đã giới thiệu và ĐHĐCĐ đã thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Tổ Thư ký và Tổ Kiểm phiếu như sau:

3.1 Đoàn Chủ tịch:

- Ông Mai Thế Toàn – Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Mạnh Tuấn – Ủy viên HĐQT, Giám đốc



3.2 Tổ Thư ký:

- Bà Chu Minh Ngọc – Tổ trưởng
- Bà Võ Thị Hương – Tổ viên

3.3 Tổ Kiểm phiếu:

- Ông Nguyễn Cao Kỳ – Tổ trưởng
- Bà Nguyễn Thị Phương Lan – Tổ viên
- Ông Nguyễn Trọng Lưu – Tổ viên
- Ông Phan Thanh Tùng – Tổ viên

4. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Thành viên Ban điều hành tham dự ĐHĐCĐ

4.1 Thành viên Hội đồng quản trị

- 1) Ông Mai Thế Toàn – Chủ tịch HĐQT
- 2) Ông Lê Mạnh Tuấn - Ủy viên HĐQT, Giám đốc
- 3) Ông Đoàn Đình Hiếu - Ủy viên HĐQT

4.2 Kiểm soát viên

- 1) Ông Nguyễn Bá Nghị - Thành viên
- 2) Ông Hồ Văn Bá – Thành viên

4.3 Thành viên Ban điều hành

- 1) Ông Lê Mạnh Tuấn - Giám đốc
- 2) Ông Nguyễn Thái Đạo – Kế toán trưởng

5. Đoàn Chủ tịch Đại hội đã công bố đại diện của đơn vị kiểm toán độc lập tham dự ĐHĐCĐ

- Công ty Kiểm toán: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Người đại diện: Ông Nguyễn Quang Trung – Phó Tổng Giám đốc kiểm toán

II. DIỄN BIẾN VÀ KẾT QUẢ CUỘC HỌP

A. Khai mạc Đại hội và thông qua Nội quy Đại hội

1. Đoàn Chủ tịch Đại hội đã tuyên bố khai mạc Đại hội
2. Đại hội đã biểu quyết công khai và thông qua Chương trình nghị sự, Nội quy Đại hội và Thể lệ biểu quyết.

B. Các nội dung thảo luận và biểu quyết tại Đại hội

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết để thông qua các nội dung như sau:

- 1) Báo cáo năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Hội đồng Quản trị (Phụ lục 01).

Tỉ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội

- 2) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 (Phụ lục 02) với các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu: 1.007,02 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 88,54 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 72,01 tỷ đồng

Tỉ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội

3) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 với các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu như sau:

- Vốn điều lệ: 942,75 tỷ đồng
- Vốn chủ sở hữu: 1.164,47 tỷ đồng
- Tổng doanh thu: 1.180,00 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 100,00 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 80,00 tỷ đồng

Và ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

Tỉ lệ biểu quyết đồng ý: 99,988% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội

4) Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017 (*Phụ lục 03*).

Tỉ lệ biểu quyết đồng ý: 76,394% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội

5) Kế hoạch 05 năm giai đoạn 2016-2020 (*Phụ lục 04*).

Tỉ lệ biểu quyết đồng ý: 99,988% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội

6) Báo cáo năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát (*Phụ lục 05*).

Tỉ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội

7) Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn (*Phụ lục 06*).

Tỉ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội

8) Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017 và kế hoạch thù lao năm 2018 (*Phụ lục 07*).

Tỉ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội

9) Thông qua việc HĐQT bầu thay thế thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Xuân Trường thay thế bà Nguyễn Thị Thanh Hà từ ngày 31/7/2017.

Tỉ lệ biểu quyết đồng ý: 99,988% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội

10) Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty (*Phụ lục 08*).

Tỉ lệ biểu quyết đồng ý: 99,988% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội

11) Sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (*Phụ lục 09*).

Tỉ lệ biểu quyết đồng ý: 99,988% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội

12) Thông qua việc bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 như sau:

1. Ông Đoàn Đình Hiếu

Số phiếu bầu đạt được 79.311.180 phiếu trên tổng số 91.311.180 quyền bầu (tỉ lệ 86,86%)

2. Ông Lê Mạnh Hùng

Số phiếu bầu đạt được 139.311.180 phiếu trên tổng số 91.311.180 quyền bầu (tỉ lệ 152,57%)

3. Ông Trương Minh Hùng

Số phiếu bầu đạt được 79.311.180 phiếu trên tổng số 91.311.180 quyền bầu (tỉ lệ 86,86%)

4. Ông Mai Thế Toàn

Số phiếu bầu đạt được 79.311.180 phiếu trên tổng số 91.311.180 quyền bầu (tỉ lệ 86,86%)

5. Ông Lê Mạnh Tuấn

Số phiếu bầu đạt được 79.311.180 phiếu trên tổng số 91.311.180 quyền bầu (tỉ lệ 86,86%)

13) Thông qua việc bầu Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018-2023 như sau:

1. Ông Hồ Văn Bá

Số phiếu bầu đạt được 91.311.180 phiếu trên tổng số 91.311.180 quyền bầu (tỉ lệ 100,00%)

2) Bà Vũ Thị Thu Hà

Số phiếu bầu đạt được 91.311.180 phiếu trên tổng số 91.311.180 quyền bầu (tỉ lệ 100,00%)

3) Ông Lê Trúc Lâm

Số phiếu bầu đạt được 91.311.180 phiếu trên tổng số 91.311.180 quyền bầu (tỉ lệ 100,00%)

TM. TỔ THƯ KÝ



Chu Minh Ngọc

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Mai Thế Toàn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG**

Vào hồi 08 giờ 45 phút, ngày 11/5/2018, tại Phòng Champagne A, Khách sạn Novotel SaiGon, 167 Hai Bà Trưng, Quận 3, Tp. HCM.

Tổ kiểm tra tư cách cổ đông chúng tôi gồm có:

1. Ông Nguyễn Cao Kỳ - Tổ trưởng.
2. Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Tổ viên.
3. Ông Nguyễn Trọng Lưu - Tổ viên.
4. Ông Phan Thanh Tùng - Tổ viên.

Tổ kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra tư cách các cổ đông đến dự Đại hội với kết quả cụ thể như sau:

- Số cổ đông có mặt tại đại hội **20** cổ đông.

Trong đó:

- + Tham dự trực tiếp **10** cổ đông.
- + Thông qua ủy quyền **10** cổ đông.

Đại diện cho quyền sở hữu **91.311.180** cổ phần, bằng **96,86%**
số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

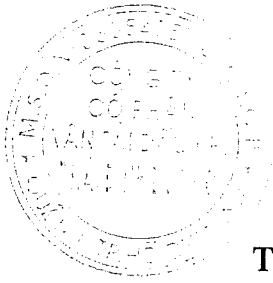
Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và Điều lệ Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Báo cáo Kiểm tra tư cách cổ đông được lập vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 11/5/2018 và đã được báo cáo công khai trước Đại hội.

Trân trọng kính chào.

**TM. TỔ KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TỔ TRƯỞNG**

Nguyễn Cao Kỳ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

**BẦU THAY THẾ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tổ kiểm phiếu chúng tôi gồm có:

- 1. Ông Nguyễn Cao Kỳ - Tổ trưởng.
- 2. Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Tổ viên.
- 3. Ông Nguyễn Trọng Lưu - Tổ viên.
- 4. Ông Phan Thanh Tùng - Tổ viên.

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Tổ kiểm phiếu xin thông báo kết quả bầu HĐQT và Ban Kiểm soát của Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương, với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu phát ra 14 phiếu.
 - Tổng số phiếu thu về 14 phiếu.
- Trong đó:
- + Tổng số phiếu hợp lệ 14 phiếu.
 - + Tổng số phiếu không hợp lệ 0 phiếu.

Kết quả bầu Ban Kiểm soát:

Ông Hồ Văn Bá	- Số phiếu bầu:	91.311.180	phiếu, chiếm tỷ lệ:	100,00%
Bà Vũ Thị Thu Hà	- Số phiếu bầu:	91.311.180	phiếu, chiếm tỷ lệ:	100,00%
Ông Lê Trúc Lâm	- Số phiếu bầu:	91.311.180	phiếu, chiếm tỷ lệ:	100,00%

Kết quả bầu Hội đồng quản trị :

Ông Đoàn Đình Hiếu	- Số phiếu bầu:	79.311.180	phiếu, chiếm tỷ lệ:	86,86%
Ông Lê Mạnh Hùng	- Số phiếu bầu:	139.311.180	phiếu, chiếm tỷ lệ:	152,57%
Ông Trương Minh Hùng	- Số phiếu bầu:	79.311.180	phiếu, chiếm tỷ lệ:	86,86%
Ông Mai Thế Toàn	- Số phiếu bầu:	79.311.180	phiếu, chiếm tỷ lệ:	86,86%
Ông Lê Mạnh Tuấn	- Số phiếu bầu:	79.311.180	phiếu, chiếm tỷ lệ:	86,86%

Căn cứ vào kết quả trên và quy chế bầu cử thì các thành viên này được trúng cử vào nhiệm kỳ thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương.

Biên bản kiểm phiếu gồm 01 trang, được lập vào lúc 11h15" ngày 11/5/2018, được các thành viên Tổ kiểm phiếu thống nhất ký tên xác nhận và được báo cáo công khai trước Đại hội.

TỔ KIỂM PHIẾU

TỔ VIÊN

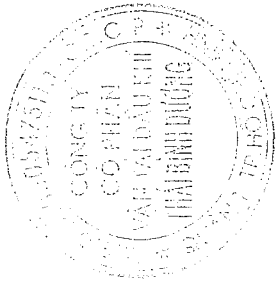
Tổ viên: Nguyễn Thị Phương Lan.....

Tổ viên: Nguyễn Trọng Lưu.....

Tổ viên: Phan Thanh Tùng.....

TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Cao Kỳ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

**THÔNG QUA KẾT QUẢ TỪNG NỘI DUNG BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CP VẠN TÀI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG**

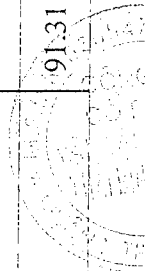
Tổ kiểm phiếu chúng tôi gồm có:

1. Ông Nguyễn Cao Kỳ - Tổ trưởng.
2. Ông Nguyễn Thị Phương Lan - Tổ viên.
3. Ông Nguyễn Trọng Lưu - Tổ viên.
4. Ông Phan Thanh Tùng - Tổ viên.

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Tổ kiểm phiếu xin thông báo kết quả từng nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Vạn Tài Dầu Khí Thái Bình Dương như sau:

- Tổng số phiếu phát ra : 14 phiếu.
- Tổng số phiếu thu về : 14 phiếu.
- Trong đó:
- + Tổng số phiếu hợp lệ : 14 phiếu.
- + Tổng số phiếu không hợp lệ : 0 phiếu.

Stt	Nội dung biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết					
		Đồng ý là	Chiếm tỷ lệ %	Không đồng ý là	Chiếm tỷ lệ %	Không có ý kiến là	Chiếm tỷ lệ %
1	Thông qua kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.	91.311.180	100,000%	-	0,000%	-	0,000%
2	Thông qua Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2018.	91.299.880	99,988%	-	0,000%	11.300	0,012%
3	Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT.	91.311.180	100,000%	-	0,000%	-	0,000%
4	Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.	91.311.180	100,000%	-	0,000%	-	0,000%



Stt	Nội dung biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết					
		Đồng ý là	Chiếm tỷ lệ %	Không đồng ý là	Chiếm tỷ lệ %	Không có ý kiến là	Chiếm tỷ lệ %
5	Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2018.	91.311.180	100,000%	-	0,000%	-	0,000%
6	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017.	69.756.133	76,394%	11.300	0,012%	21.543.747	23,594%
7	Thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch thù lao năm 2018.	91.311.180	100,000%	-	0,000%	-	0,000%
8	Phê duyệt kế hoạch SXKD giai đoạn 2016-2020.	91.299.880	99,988%	-	0,000%	11.300	0,012%
9	Phê chuẩn việc HĐQT bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018.	91.299.880	99,988%	-	0,000%	11.300	0,012%
10	Bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023.	91.299.880	99,988%	-	0,000%	11.300	0,012%
11	Bầu Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.	91.299.880	99,988%	-	0,000%	11.300	0,012%
12	Thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty.	91.299.880	99,988%	-	0,000%	11.300	0,012%
13	Thông qua sửa đổi Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty.	91.299.880	99,988%	-	0,000%	11.300	0,012%

Biên bản kiểm phiếu gồm 02 trang, được lập vào lúc 11h15" ngày 11/5/2018 và đã được thông báo công khai trước Đại hội.

THÀNH VIÊN

TỔ KIỂM PHIẾU

TỔ TRƯỞNG

Phan Thanh Tùng

Nguyễn Trọng Lưu

Nguyễn T.Phương Lan

Nguyễn Cao Kỳ

